

◆第12課 友だちと話す一部活 – [ふつう体]

Bài 12 Cách nói chuyện với bạn bè – Hoạt động câu lạc bộ –



とも はな
友だちと話す/Cách nói chuyện với bạn bè

かい せつ
解説/Giải thích

(先輩や先生に) 見てもいいですか? / (Với tiền bối hoặc giáo viên) Em xem có được không ạ?

(友だちに) 見てもいい? / (Với bạn bè) Mình xem được không?

ふつう体

☆友だちと話す言い方では、【ふつう体】を使います。 / ☆Khi nói chuyện với bạn bè thì sử dụng {thể thông thường}.

【ふつう体】の作り方

【ふつう体】は、つぎのように作ります。 / Cách chia {Thể thông thường} như bảng dưới đây

動詞 / động từ

	ていねい体 【thể lịch sự】 (=ます形/thể masu)	ふつう体【thể thông thường】			
		げんざい 現在/hiện tại (=【じしよ形/thể từ điển】) ※第 21 課/Bài 21	げんざい ひ ていけい 現在・否定形/hiện tại・phủ định (=【ない形/thể nai】) ※第 25 課/Bài 25	か こ 過去/quá khứ (=【た形/thể ta】) ※第 13 課/Bài 13	か こ ひ ていけい 過去・否定形/quá khứ・phủ định
I	あいます	あう	あわない	あった	あわなかった
	たちます	たつ	たたない	たった	たたなかった
	とります	とる	とらない	とった	とらなかった
	のみます	のむ	のまない	のんだ	のまなかった
	よびます	よぶ	よばない	よんだ	よばなかった
	しにます	しぬ	しなない	しんだ	しななかった
	かきます	かく	かかない	かいた	かかなかった
	いそぎます	いそぐ	いそがない	いそいだ	いそがなかった
	はなします	はなす	はなさない	はなした	はなさなかった
II	みます	みる	みない	みた	みなかった
	おきます	おきる	おきない	おきた	おきなかった
	ねます	ねる	ねない	ねた	ねなかった
	たべます	たべる	たべない	たべた	たべなかった
III	きます	くる	こない	きた	こなかった
	します	する	しない	した	しなかった

い形容詞 / tính từ đuôi i

ていねい体 【thể lịch sự】	ふつう体 【thể thông thường】			
	げんざい 現在/hiện tại	げんざい ひていけい 現在・否定形/hiện tại・phủ định	かこ 過去/quá khứ	かこ ひていけい 過去・否定形/quá khứ・phủ định
むずかしいで す	むずかしい	むずかしいくない	むずかしかった	むずかしくなかつ た
たかいです	たかい	たかくない	たかかった	たかくなかつた

な形容詞 / 名詞(+です) tính từ đuôi na/ danh từ (+です)

ていねい体 【thể lịch sự】	ふつう体 【thể thông thường】			
	げんざい 現在/hiện tại	げんざい ひていけい 現在・否定形/hiện tại・phủ định	かこ 過去/quá khứ	かこ ひていけい 過去・否定形/quá khứ・phủ định
たいへんです	たいへんだ	たいへんじゃない	たいへんだった	たいへんじゃなかつ た
きれいです	きれいだ	きれんじゃない	きれいだった	きれいじゃなかつ た
びょうきです	びょうきだ	びょうきじゃない	びょうきだった	びょうきじゃなかつ た
やすみです	やすみだ	やすみじゃない	やすみだった	やすみじゃなかつ た

[例]/ [Ví dụ]

私も行きます。

→ 私も行^いく。 / Tôi cũng đi. (thông thường) **MP3** 12-e01

疲れ^{つか}ました！

→ つかれた！ / Mệt quá! (thông thường) **MP3** 12-e02

勉強^{べんきょう}なんて、きらいです。

→ 勉強^{べんきょう}なんて、きらいだ。 / Mình ghét học. (thông thường) **MP3** 12-e03

今日^{きょう}は寒^{さむ}いですね。

→ 今日^{きょう}は寒^{さむ}いね。 / Hôm nay lạnh nhỉ? (thông thường) **MP3** 12-e04



聞くときは、「か」をいけません。 / Khi hỏi bạn bè, không nói "か."

[例] / [Ví dụ]

借ってもいいですか？

→ 借ってもいい？ / Minh mượn được không? (thông thường) **MP3 12-e05**

行きませんか？

→ 行かない？ / Cậu không đi à? (thông thường) **MP3 12-e06**

もう終わりましたか？

→ もう終わった？ / Xong chưa? (thông thường) **MP3 12-e07**

ときどき、「を」や「へ」などの【助詞】もいけません。 / Đôi khi, không dùng cả các {trợ từ} như "を" và "へ".

[例] / [Ví dụ]

ハンバーガーを食べますか？

→ ハンバーガー食べる？ / Ăn hamburger không? (thông thường) **MP3 12-e08**

はい、食べます。

→ うん、食べる。 / Ủ, có ăn. (thông thường) **MP3 12-e09**

な形容詞／名詞(+です)のふつう体は、「だ」をつけないで言ったり、「よ」「ね」などを付けたりすることもあります。

Thể thông thường của tính từ đuôi na/danh từ (+です) thường không thêm "だ" mà thêm "よ" và "ね".

[例] / [Ví dụ]

これは誰の本ですか？

→ これは誰の本？ / Đây là sách của ai? (thông thường) **MP3 12-e10**

それはいいです。

→ それはいいよ。 / Mình ghét cái đó. (thông thường) **MP3 12-e11**

本当です。

→ 本当だよ。 / Đúng vậy đó. (thông thường) **MP3 12-e12**



◆第12課 友だちと話す一部活― [ふつう体]

Bài 12 Cách nói chuyện với bạn bè – Hoạt động câu lạc bộ –



とも はな
友だちと話す

例文

A:「日曜日、咲も来る？」 MP3 12-e13

B:「うん、行きたい！」 MP3 12-e14

ちょっと消しゴム貸して。 MP3 12-e15

ねえ、メアド(メールアドレス)教えて。 MP3 12-e16

A:「文化祭、ゆうちゃんのクラスは何やるの？」 MP3 12-e17

B:「うちのクラスはたこ焼き屋をやるよ。」 MP3 12-e18

A:「咲の家ってどこにあるの。」 MP3 12-e19

B:「山田ストアの後ろだよ。」 MP3 12-e20

A:「月曜のキムタクのドラマ見てる？」 MP3 12-e21

B:「ううん、見てない。面白い？」 MP3 12-e22

A:「もう帰る？」 MP3 12-e23

B:「もう少し図書館で勉強してから帰る。」 MP3 12-e24

A:「今日、家に遊びに行ってもいい？」 MP3 12-e25

B:「いいよ。」 MP3 12-e26

A:「その携帯ストラップ、かわいいね。」 MP3 12-e27

B:「ありがとう。」 MP3 12-e28

あー怖かった。もう二度とジェットコースターなんか乗らない！ MP3 12-e29

A:「昨日のライブどうだった？」 MP3 12-e30

B:「すごくよかったよ。」 MP3 12-e31

A:「ねえ、あの花、すごくきれい！」 MP3 12-e32

B:「ほんと。きれいだね。」 MP3 12-e33



A:「^{いまなんじ}今何時？」  12-e34

B:「^{よじ にじゅうぶん}4時20分。」  12-e35

A:「^{しゃしん み}(写真を見ながら)「^{だれ}これ、誰？」  12-e36

B:「あ、それはうちのお兄^{にい}ちゃん。」  12-e37



Cách nói chuyện với bạn bè

Câu ví dụ

A: "Chủ nhật này cũng đến chứ, Saki?" MP3 12-e13

B: "Ừ, mình muốn đi!" MP3 12-e14

Cho tớ mượn tẩy! MP3 12-e15

Này, chỉ cho tớ địa chỉ email! MP3 12-e16

A: "Ngày lễ hội văn hóa, lớp Yu làm gì?" MP3 12-e17

B: "Lớp tớ mở quầy takoyaki đấy." MP3 12-e18

A: "Nhà Saki ở đâu?" MP3 12-e19

B: "Ở đằng sau cửa hàng Yamada." MP3 12-e20

A: "Cậu có xem phim của Kimutaku vào thứ hai không?" MP3 12-e21

B: "Không mình không xem. Hay không?" MP3 12-e22

A: "Về bây giờ à?" MP3 12-e23

B: "Mình học trong thư viện một chút nữa rồi về." MP3 12-e24

A: "Hôm nay mình đến chơi được không?" MP3 12-e25

B: "Được." MP3 12-e26

A: "Dây đeo điện thoại ấy dễ thương thế." MP3 12-e27

B: "Cảm ơn cậu." MP3 12-e28

Ồi sợ quá! Mình sẽ không bao giờ đi tàu lượn nữa MP3 12-e29

A: "Buổi hòa nhạc trực tiếp hôm qua thế nào?" MP3 12-e30

B: "Tuyệt vời." MP3 12-e31

A: "Này, những bông hoa kia đẹp quá!" MP3 12-e32

B: "Ừ, đẹp nhỉ." MP3 12-e33



A: "Mấy giờ rồi?"  12-e34

B: "4:20."  12-e35

A: (Nhìn ảnh) "Đây là ai?"  12-e36

B: "À, đây là anh trai mình"  12-e37

